

CTCP XNK THUỶ SẢN BẾN TRE
AQUATEX BENTRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 04/CBTT.ABT

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2022
Bentre, day 25 month 03 year 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre**
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/*Stock code/ Broker code*: **ABT**
- Địa chỉ/*Address*: Ấp 9, Xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0275 3860265 Fax: 0275 3860346
- E-mail: abt@aquatexbentre.com

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:
- Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2022 họp vào ngày 16/04/2022.
- Địa chỉ đăng tải tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2022:
[website www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông từ ngày 25/03/2022.](http://www.aquatexbentre.com/Quan_hệ_cổ_đông_từ_ngày_25/03/2022)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/03/2022 tại đường dẫn [www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông](http://www.aquatexbentre.com/Quan_hệ_cổ_đông)/This information was published on the company's website on 25/03/2022 (date), as in the link [www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông](http://www.aquatexbentre.com/Quan_hệ_cổ_đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu ĐHCĐ thường niên 2022

Đại diện tổ chức
Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Bùi Kim Hiếu

Phó TGD/Deputy General Director



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE
AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

Số: 74 /TB.ABT

Bến Tre, ngày 24 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO

MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN BẾN TRE

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre - AQUATEX BENTRE (Mã CK: ABT) trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2022:

1/ Địa điểm: Trụ sở Công ty - Ấp 9, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2/ Thời gian: Bắt đầu lúc 9 giờ 00', **thứ bảy, ngày 16/04/2022.**

3/ Nội dung: Đại hội thảo luận và thông qua:

- Báo cáo hoạt động và kết quả SXKD năm 2021 của HĐQT;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021;
- Báo cáo hoạt động năm 2021 của BKS;
- Kế hoạch SXKD năm 2022;
- Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2026;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4/ Điều kiện tham dự:

- Cổ đông có tên theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 15/03/2022.

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc làm giấy ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.

5/ Vấn đề cần lưu ý: Để việc chuẩn bị Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông:

- Xác nhận trực tiếp tham dự/ủy quyền (theo mẫu) đến Bà Mai Thị Ngọc Hân - Bộ phận Hành chính nhân sự chậm nhất vào thứ bảy, ngày 09/04/2022:

+ ĐT: 02753 860 265 - Số máy nội bộ: 102; ĐTDĐ: 0932 914896; Fax: 02753 860 346.

+ E-mail: abt@aquatexbentre.com hoặc maihan@aquatexbentre.com.

- Xem tài liệu họp Đại hội tại website www.aquatexbentre.com mục Quan hệ cổ đông từ ngày 25/03/2022;

- Vui lòng mang theo CCCD/hộ chiếu và giấy ủy quyền (nếu có) để Công ty đối chiếu danh sách cổ đông.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN KHẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

....., ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN/ ỦY QUYỀN

“Tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2022

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre – AQUATEX BENTRE”

Tên cổ đông:.....
 Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ:
 Điện thoại:....., Fax:....., Email:
 Số Giấy NSH (CCCD/Passport/Giấy ĐKKD):.....
 Số cổ phần sở hữu:

Nay, tôi/chúng tôi xác nhận tham dự ĐHCĐ thường niên 2022 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre theo cách: **đánh dấu (✓) vào ô tương ứng**

**TRỰC TIẾP
THAM DỰ**

ỦY QUYỀN CHO:

- Tên cá nhân/tổ chức được ủy quyền:.....
 + Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ:
 + Số Giấy NSH (CCCD/Passport/Giấy ĐKKD):.....
 ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:
 + Điện thoại:....., Fax:....., Email:
 - Số lượng cổ phần ủy quyền:
 - Nội dung ủy quyền: Thay mặt tôi/chúng tôi tham dự và biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.
 - Phạm vi ủy quyền: Cá nhân/tổ chức được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng quy chế làm việc của ĐHCĐ thường niên, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả ĐHCĐ cho người ủy quyền.
 - Phạm vi ủy quyền: Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại ĐHCĐ thường niên 2022 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre.

Cổ đông
(Ký tên,
đóng dấu)

Cá nhân/tổ chức được ủy quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Người ủy quyền
(Ký tên, đóng dấu)

(Đóng dấu đối với cổ đông tổ chức)

Xin vui lòng gửi Giấy xác nhận/ ủy quyền tham dự ĐHCĐ thường niên 2022 đến Bà Mai Thị Ngọc Hân - Bộ phận Hành chính nhân sự chậm nhất vào thứ bảy, ngày 09/04/2022:

+ ĐT: 0275 3 860 265 - Số máy nội bộ: 102; ĐTDĐ: 0932 914896; Fax: 0275 3 860 346.

+ E-mail: abt@aquatexbentre.com hoặc maihan@aquatexbentre.com

- Xem tài liệu họp Đại hội tại website www.aquatexbentre.com mục Quan hệ cổ đông từ ngày 25/03/2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

- Địa điểm: Hội trường Công ty
- Thời gian: Từ 8h30', thứ bảy, ngày 16/04/2022

TT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian
1	Tiếp đón đại biểu, đăng ký tham dự, phát tài liệu	BTC	8h30 – 9h00
2	Công bố tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐH	Trưởng BTC	9h00 – 9h15
3	Giới thiệu Chủ tọa, Ban thư ký và thông qua Ban kiểm phiếu		
4	Thông qua Chương trình và Quy chế tổ chức ĐH		
5	Báo cáo hoạt động, kết quả SXKD và báo cáo tài chính kiểm toán của HĐQT	Thư ký Công ty	9h15 – 9h30
6	Báo cáo hoạt động của BKS	Trưởng BKS	9h30 – 9h40
7	Tờ trình của HĐQT về các vấn đề xin ý kiến ĐH	Chủ tịch HĐQT	9h40 – 10h45
8	Thảo luận của cổ đông và giải trình của HĐQT		
9	Biểu quyết các vấn đề theo tờ trình của HĐQT		
10	- Khai thông tiêu chuẩn; Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026 - Khai thông tiêu chuẩn; Ứng cử, đề cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2026		10h45 – 11h25
11	Thông qua Quy chế bầu cử, bỏ phiếu, kiểm phiếu	Trưởng Ban kiểm phiếu	11h25 – 11h40
12	Giải lao – Ban kiểm phiếu làm việc		11h40 – 12h00
13	Công bố kết quả bầu cử HĐQT và BKS	Trưởng Ban kiểm phiếu	12h00 – 12h05
14	Giải lao – HĐQT và BKS họp phiên thứ I bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS	Chủ tịch HĐQT	12h05 – 12h20
15	Công bố kết quả họp HĐQT và BKS phiên thứ I – HĐQT và BKS ra mắt		12h20 – 12h30
16	Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐH	Thư ký ĐH	12h30 – 12h40
17	Đáp từ bế mạc	Chủ tịch HĐQT	12h40 – 12h45

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP XNK THỦY SẢN BẾN TRE



Số: 04/QC.ABT

Bến Tre, ngày 23 tháng 03 năm 2022

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 – Ngày 16/04/2022

Điều 1: Quyền của cổ đông, đại diện cổ đông tham dự ĐH :

- 1.1/ Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông tham dự ĐHCĐ được nhận một thẻ biểu quyết có ghi mã số, số cổ phần sở hữu và đại diện. Giá trị biểu quyết của thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông có mặt tại ĐH
- 1.2/ Cổ đông, đại diện cổ đông sau khi nghe tờ trình về các vấn đề xin ý kiến ĐH thì cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
- 1.3/ Cổ đông, đại diện cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 2: Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông tham dự ĐH là tuân thủ Quy chế tổ chức ĐH, tôn trọng kết quả làm việc tại ĐH.

Điều 3: Nhiệm vụ của Ban tổ chức, Ban kiểm soát Công ty và Ban kiểm phiếu tại ĐH:

- 3.1/ Ban tổ chức nhận và kiểm tra giấy tờ cổ đông đến họp, phát tài liệu và thẻ biểu quyết.
- 3.2/ Ban kiểm soát kiểm tra tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự để báo cáo trước ĐH.
- 3.3/ Ban kiểm phiếu điều khiển việc bầu cử theo Quy chế bầu cử

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký ĐH:

- 4.1/ Quyết định của Chủ tọa ĐH về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình ĐH sẽ mang tính phán quyết.
- 4.2/ Chủ tọa ĐH có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 4.3/ Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa ĐH. Tất cả các nội dung họp ĐH phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản họp phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Điều 5: Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6: Thông qua Quyết định của cuộc họp ĐHCĐ:

Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 7: Quy chế này gồm 7 điều, áp dụng cho việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022 Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre, được HĐQT Công ty thông qua vào ngày 23/03/2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XNK THỦY SẢN
BẾN TRE

NGUYỄN VĂN KHẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 01/TT.ABT

Bến Tre, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về các vấn đề xin ý kiến ĐHCĐ thường niên 2022”

Kính gửi : **ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

- Căn cứ quy định của Điều lệ và tình hình hoạt động thực tế của Công ty;
- Căn cứ ý kiến thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty tại phiên họp ngày 23/03/2022;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre kính trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2022 các vấn đề sau:

1/ Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chi tiêu	Số tiền (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.469.000.898
2	Lợi nhuận trước thuế	36.134.527.785
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.704.416.653
4	Lợi nhuận sau thuế	33.577.570.534
4.1	-Trích quỹ phúc lợi	1.678.878.527
4.2	-Trích thường cho ban điều hành theo Nghị quyết ĐHCĐ 2021	768.923.474
4.3	-Lợi nhuận cố định chia cho hộ hợp tác nuôi thủy sản	2.326.400.000
4.4	-Chia cổ tức 20%	22.994.514.000
4.5	-Lợi nhuận chưa phân phối	12.846.119.190
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	7.037.264.656
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	5.808.854.534
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.920

2/ Kế hoạch SXKD năm 2022:

- Doanh thu thuần: 520 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 50 tỷ đồng
- Chia cổ tức: 20-30%
- Trích quỹ phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế

3/ Thù lao cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và mức thưởng cho ban điều hành Công ty năm 2022:

- Chi phí hoạt động và thù lao cho thành viên HĐQT, BKS: 600 triệu đồng.
- Mức thưởng cho ban điều hành Công ty:
 - + Hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận: Thưởng 2% lợi nhuận trước thuế.
 - + Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch: Thưởng 20% lợi nhuận trước thuế của phần vượt kế hoạch.



4/ Ủy quyền cho HĐQT chọn một công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 trong số 04 công ty kiểm toán có tên sau:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;

HĐQT Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre kính đề nghị Đại hội cổ đông thường niên 2022 thảo luận và cho ý kiến biểu quyết các vấn đề nêu trên./

Nơi gửi:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu CBTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Văn Khải





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE
AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN
Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre
Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346
E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 02/TT.ABT

Bến Tre, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

**“V/v phương án phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)”**

Kính gửi : ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (“Công ty”).

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre kính trình Đại hội cổ đông (ĐHCD) thường niên 2022 xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) với các nội dung cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY (ESOP)

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (ABT)
2. Mã chứng khoán: ABT
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/ cổ phần
5. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.107.207 (Mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn hai trăm linh bảy) cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.497.257 (Mười một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy) cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.609.950 (Hai triệu sáu trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi) cổ phiếu (tại ngày 31/12/2021)
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 280.000 (Hai trăm tám mươi nghìn) cổ phiếu.
9. Tổng trị giá phát hành dự kiến theo mệnh giá: 2.800.000.000 (Hai tỷ tám trăm triệu) đồng
10. Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành) dự kiến: 2,453% (Hai phẩy bốn năm ba phần trăm)
11. Đối tượng phát hành: Cán bộ công nhân viên (“CBCNV”) của Công ty theo danh sách được HĐQT phê duyệt. Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định và ban hành quy chế, tiêu chí, danh sách cán bộ nhân viên được lựa chọn và số lượng cổ phiếu cụ thể từng cá nhân được mua.



12. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần mới phát hành cho CBCNV trong đợt chào bán chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành.
13. Giá phát hành dự kiến: 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng/ cổ phiếu
14. Phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết: Sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu, nếu cán bộ, nhân viên không mua hết số lượng cổ phần chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định (i) hủy số lượng cổ phần còn lại chưa được đăng ký mua; hoặc (ii) tiếp tục phân phối cho các CBCNV khác đảm bảo tuân thủ các tiêu chí và điều kiện theo Quy chế ESOP được HĐQT thông qua với mức giá không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phiếu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
15. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán: bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.
16. Quy định về mua lại, thu hồi cổ phiếu của CBCNV nghỉ việc: ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc mua lại, thu hồi cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc thông qua hình thức, số lượng cổ phiếu mua lại và thu hồi từng đợt, triển khai thủ tục đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) theo đúng quy định (nếu có).
17. Phương án đảm bảo đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty chỉ phát hành cho đối tượng là người lao động trong nước, do đó Công ty đảm bảo luôn đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.
18. Thời gian dự kiến thực hiện: Sau khi có chấp thuận của UBCKNN. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể để thực hiện việc phát hành cổ phiếu ESOP.

II. ỦY QUYỀN HĐQT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

HQĐT trình ĐHCĐ phê duyệt giao cho HĐQT tổ chức thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện việc phát hành;
- Quyết định tiêu chuẩn và danh sách cán bộ nhân viên Công ty được mua cổ phiếu, nguyên tắc và số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng cán bộ nhân viên;
- Ban hành Quy chế phát hành để thực hiện chương trình này (“Quy Chế ESOP”);
- Thực hiện triển khai Phương án phát hành và toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành nêu trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành; lập phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua (nếu có);
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phân vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu và thực hiện các thủ tục để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre tại Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành mới tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán ngay sau khi hoàn tất việc phát hành;
- Triển khai và phê duyệt các hồ sơ cần thiết để đăng ký phát hành với Ủy ban chứng khoán Nhà nước; đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán;

- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để phát hành cổ phiếu ESOP theo phương án được ĐHCĐ Công ty thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên;
- Tùy từng trường hợp cụ thể HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

HĐQT sẽ báo cáo cho ĐHCĐ về tình hình thực hiện việc phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty và các nội dung của phương án phát hành đã được ĐHCĐ thông qua nhưng chưa được thực hiện tại các kỳ họp ĐHCĐ thường niên lần tiếp theo cho đến khi kết thúc việc phát hành.

HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua phương án phát hành.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu CBTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Văn Khải





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abr@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 - Ngày 16/04/2022
THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông: «Tổ chức cá nhân»

Mã số: «SỐ_ĐKSH»

Số CP sở hữu	Số CP đại diện	Tổng số CP biểu quyết
«Số CP SH»	«Số CP UQ»	«Tổng số CP BQ»

Tôi có ý kiến biểu quyết các vấn đề theo Tờ trình số 01/TT.ABT và Tờ trình số 02/TT.ABT ngày 23/03/2022 của HĐQT như sau:

STT	Vấn đề biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến																																							
1	<p>Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2021:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Chi tiêu</th> <th>Số tiền (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</td> <td>342.469.000.898</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>36.134.527.785</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Thuế thu nhập doanh nghiệp</td> <td>1.704.416.653</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Lợi nhuận sau thuế</td> <td>33.577.570.534</td> </tr> <tr> <td>4.1</td> <td>-Trích quỹ phúc lợi</td> <td>1.678.878.527</td> </tr> <tr> <td>4.2</td> <td>-Trích thưởng cho ban điều hành theo Nghị quyết ĐHCĐ 2021</td> <td>768.923.474</td> </tr> <tr> <td>4.3</td> <td>-Lợi nhuận cố định chia cho hộ hợp tác nuôi thủy sản</td> <td>2.326.400.000</td> </tr> <tr> <td>4.4</td> <td>-Chia cổ tức 20%</td> <td>22.994.514.000</td> </tr> <tr> <td>4.5</td> <td>-Lợi nhuận chưa phân phối</td> <td>12.846.119.190</td> </tr> <tr> <td></td> <td>+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước</td> <td>7.037.264.656</td> </tr> <tr> <td></td> <td>+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay</td> <td>5.808.854.534</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</td> <td>2.920</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Chi tiêu	Số tiền (đồng)	1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.469.000.898	2	Lợi nhuận trước thuế	36.134.527.785	3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.704.416.653	4	Lợi nhuận sau thuế	33.577.570.534	4.1	-Trích quỹ phúc lợi	1.678.878.527	4.2	-Trích thưởng cho ban điều hành theo Nghị quyết ĐHCĐ 2021	768.923.474	4.3	-Lợi nhuận cố định chia cho hộ hợp tác nuôi thủy sản	2.326.400.000	4.4	-Chia cổ tức 20%	22.994.514.000	4.5	-Lợi nhuận chưa phân phối	12.846.119.190		+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	7.037.264.656		+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	5.808.854.534	5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.920			
Stt	Chi tiêu	Số tiền (đồng)																																									
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.469.000.898																																									
2	Lợi nhuận trước thuế	36.134.527.785																																									
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.704.416.653																																									
4	Lợi nhuận sau thuế	33.577.570.534																																									
4.1	-Trích quỹ phúc lợi	1.678.878.527																																									
4.2	-Trích thưởng cho ban điều hành theo Nghị quyết ĐHCĐ 2021	768.923.474																																									
4.3	-Lợi nhuận cố định chia cho hộ hợp tác nuôi thủy sản	2.326.400.000																																									
4.4	-Chia cổ tức 20%	22.994.514.000																																									
4.5	-Lợi nhuận chưa phân phối	12.846.119.190																																									
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	7.037.264.656																																									
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	5.808.854.534																																									
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.920																																									
2	<p>Kế hoạch SXKD năm 2022:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần: 520 tỷ đồng; - Lợi nhuận trước thuế: 50 tỷ đồng; - Chia cổ tức: 20-30%; - Trích quỹ phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế. 																																										
3	<p>Thù lao cho HĐQT, BKS và mức thưởng cho ban điều hành Công ty năm 2022:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí hoạt động và thù lao cho thành viên HĐQT, BKS: 600 triệu đồng. - Mức thưởng cho ban điều hành Công ty: <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận: Thưởng 2% lợi nhuận trước thuế. + Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch: Thưởng 20% lợi nhuận trước thuế của phần vượt kế hoạch. 																																										
4	<p>Ủy quyền cho HĐQT chọn một công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 trong số 04 công ty kiểm toán có tên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; - Công ty TNHH KPMG Việt Nam 																																										

STT	Vấn đề biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
5	<p>Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty(ESOP):</p> <p>I/ Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty:</p> <p>1/ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre</p> <p>2/ Mã chứng khoán: ABT</p> <p>3/ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông</p> <p>4/ Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/ cổ phần</p> <p>5/ Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.107.207 (Mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn hai trăm linh bảy) cổ phiếu</p> <p>6/ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.497.257 (Mười một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy) cổ phiếu</p> <p>7/ Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.609.950 (Hai triệu sáu trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi) cổ phiếu (tại ngày 31/12/2021)</p> <p>8/ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 280.000 (Hai trăm tám mươi nghìn) cổ phiếu.</p> <p>9/ Tổng trị giá phát hành dự kiến theo mệnh giá: 2.800.000.000 (Hai tỷ tám trăm triệu) đồng</p> <p>10/ Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành) dự kiến: 2,453% (Hai phẩy bốn năm ba phần trăm)</p> <p>11/ Đối tượng phát hành: Cán bộ công nhân viên (“CBCNV”) của Công ty theo danh sách được HĐQT phê duyệt. Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định và ban hành quy chế, tiêu chí, danh sách cán bộ nhân viên được lựa chọn và số lượng cổ phiếu cụ thể từng cá nhân được mua.</p> <p>12/ Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần mới phát hành cho CBCNV trong đợt chào bán chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành.</p> <p>13/ Giá phát hành dự kiến: 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng/ cổ phiếu</p> <p>14/ Phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết: Sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu, nếu cán bộ, nhân viên không mua hết số lượng cổ phần chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định (i) hủy số lượng cổ phần còn lại chưa được đăng ký mua; hoặc (ii) tiếp tục phân phối cho các CBCNV khác đảm bảo tuân thủ các tiêu chí và điều kiện theo Quy chế ESOP được HĐQT thông qua với mức giá không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phiếu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.</p> <p>15/ Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán: bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.</p> <p>16/ Quy định về mua lại, thu hồi cổ phiếu của CBCNV nghỉ việc: ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc mua lại, thu hồi cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc thông qua hình thức, số lượng cổ phiếu mua lại và thu hồi từng đợt, triển khai thủ tục đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) theo đúng quy định (nếu có).</p> <p>17/ Phương án đảm bảo đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty chỉ phát hành cho đối tượng là người lao động trong nước, do đó Công ty đảm bảo luôn đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.</p> <p>18/ Thời gian dự kiến thực hiện: Sau khi có chấp thuận của UBCKNN.</p> <p>ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể để thực hiện việc phát hành cổ phiếu ESOP.</p> <p>II/ Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện:</p> <p>HĐQT trình ĐHCĐ phê duyệt giao cho HĐQT tổ chức thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện việc phát hành; - Quyết định tiêu chuẩn và danh sách cán bộ nhân viên Công ty được mua cổ phiếu, nguyên tắc và số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng cán bộ nhân viên; - Ban hành Quy chế phát hành để thực hiện chương trình này (“Quy chế ESOP”); - Thực hiện triển khai Phương án phát hành và toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành nêu trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành; lập phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua (nếu có); - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu và thực hiện các thủ tục để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre tại Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt phát hành; - Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành mới tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán ngay sau khi hoàn tất việc phát hành; - Triển khai và phê duyệt các hồ sơ cần thiết để đăng ký phát hành với Ủy ban chứng khoán Nhà nước; đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán; - Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để phát hành cổ phiếu ESOP theo phương án được ĐHCĐ Công ty thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật; - Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên. - Tùy từng trường hợp cụ thể HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây. 			

Chữ ký cổ đông



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PẠN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 - Ngày 16/04/2022

GIẤY ĐỀ CỬ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT - NHIỆM KỲ 2022-2026

Tên cổ đông:

Số ĐKKD: cấp ngày: tại

Địa chỉ:

ĐT: Fax: Email:

Số cổ phần sở hữu: CP (.....% số CP có quyền biểu quyết)

Chúng tôi đồng ý đề cử Ông/Bà:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Số CMND: cấp ngày: tại

- ĐT: Email:

- Trình độ chuyên môn:

- Quá trình công tác:

- Các chức danh quản lý khác:

Tham gia ứng cử bầu thành viên HĐQT - Nhiệm kỳ 2022-2026 tại cuộc họp Đại hội
Cổ đông thường niên 2022 Công ty CP XNK thủy sản Bến Tre ngày 16/04/2022.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh
các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

....., ngày tháng năm 2022
CÓ ĐÔNG ĐỀ CỬ



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 - Ngày 16/04/2022

**GIẤY ĐỀ CỬ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN BKS - NHIỆM KỲ 2022-2026**

Tên cổ đông:

Số ĐKKD: cấp ngày: tại

Địa chỉ:

ĐT: Fax: Email:

Số cổ phần sở hữu: CP (.....% số CP có quyền biểu quyết)

Chúng tôi đồng ý đề cử Ông/Bà:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Số CMND: cấp ngày: tại

- ĐT: Email:

- Trình độ chuyên môn:

- Quá trình công tác:

- Các chức danh quản lý khác:

Tham gia ứng cử bầu thành viên BKS - Nhiệm kỳ 2022-2026 tại cuộc họp Đại hội

Cổ đông thường niên 2022 Công ty CP XNK thủy sản Bến Tre ngày 16/04/2022.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

....., ngày tháng năm 2022

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 - Ngày 16/04/2022

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên HĐQT / BKS – Nhiệm kỳ 2022-2026)

- Họ và tên:; Giới tính:
- Ngày sinh:; Nơi sinh:
- Quốc tịch:; Dân tộc:
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú:
- Số ĐT liên lạc :
- Trình độ văn hóa:; Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2022

Người khai

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 31

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5503000010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 99/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006 và Công văn số 4236/UBCK-PTTT ngày 2 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch
Ông Phan Hữu Tài	Thành viên
Ông Hồ Quốc Lực	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Bích Liên	Trưởng ban	
Ông Phạm Tiến Đắc	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Bà Ngô Thị Kim Phụng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Hữu Tài	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Hữu Tài.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



H. CHÂU PHAM HỮU TÀI
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61120037/22631713

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4637-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		285.640.124.757	247.773.359.339
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	58.389.757.932	53.565.658.236
111	1. Tiền		48.389.757.932	50.565.658.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	3.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		29.454.855	217.151.855
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	29.454.855	217.151.855
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.062.829.323	37.451.184.333
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	39.609.039.246	32.015.593.729
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	8.269.624.701	4.130.031.003
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.184.165.376	1.305.559.601
140	IV. Hàng tồn kho	9	176.580.755.173	154.960.169.508
141	1. Hàng tồn kho		188.034.841.898	173.769.183.361
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.454.086.725)	(18.809.013.853)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.577.327.474	1.579.195.407
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		441.659.962	530.026.290
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1.135.667.512	1.049.169.117
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		308.933.193.343	295.355.178.756
220	I. Tài sản cố định		62.639.843.711	64.001.069.640
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	51.669.398.257	52.606.991.906
222	Nguyên giá		134.215.745.527	130.134.748.115
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(82.546.347.270)	(77.527.756.209)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.970.445.454	11.394.077.734
228	Nguyên giá		16.550.750.288	16.550.750.288
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.580.304.834)	(5.156.672.554)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		22.584.935.533	8.150.873.702
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	22.584.935.533	8.150.873.702
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	197.202.383.000	197.202.383.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.000.000.000	10.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		187.202.383.000	187.202.383.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		26.506.031.099	26.000.852.414
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	23.893.544.432	22.535.825.149
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	2.612.486.667	3.465.027.265
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		594.573.318.100	543.128.538.095

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		176.626.562.550	132.878.439.079
310	I. Nợ ngắn hạn		172.456.231.550	128.327.307.579
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	21.502.136.523	15.890.577.956
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.046.133.200	270.558.350
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	758.892.315	356.368.803
314	4. Phải trả người lao động		10.940.544.800	15.734.261.706
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.452.632.560	1.113.805.898
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		11.801.942.364	178.963.168
320	7. Vay ngắn hạn	18	124.489.184.815	94.271.506.725
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		464.764.973	511.264.973
330	II. Nợ dài hạn		4.170.331.000	4.551.131.500
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	4.170.331.000	4.551.131.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		417.946.755.550	410.250.099.016
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	417.946.755.550	410.250.099.016
411	1. Vốn cổ phần		141.072.070.000	141.072.070.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		141.072.070.000	141.072.070.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		287.769.908.319	287.769.908.319
415	3. Cổ phiếu quỹ		(98.896.574.474)	(98.896.574.474)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		61.210.173.515	61.210.173.515
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.791.178.190	19.094.521.656
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.037.264.656	8.001.255.542
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		19.753.913.534	11.093.266.114
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		594.573.318.100	543.128.538.095

Lâm Thị Như Thơ
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Lê
Kế toán trưởng



Phan Văn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		36.134.527.785	15.814.414.594
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	7.996.373.612	7.198.273.039
03	(Hoàn nhập dự phòng)		(7.735.727.628)	2.549.631.400
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.168.823.442	499.506.220
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(16.655.770.982)	(9.427.817.869)
06	Chi phí lãi vay	23	2.063.842.024	2.918.020.521
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.972.068.253	19.552.027.905
09	Tăng các khoản phải thu		(4.259.008.558)	(3.742.487.254)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(14.265.658.537)	4.092.611.472
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.481.683.901	(4.472.121.821)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.595.752.955)	(1.027.213.338)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		187.697.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.422.381.789)	(3.159.286.375)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(1.356.354.439)	(4.424.702.263)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(421.923.940)	(1.316.878.335)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(679.631.064)	5.501.949.991
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(30.021.540.163)	(12.880.501.310)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		1.021.727.273	872.727.273
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng		-	24.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(9.990.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		16.215.654.500	21.322.488.595
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(12.784.158.390)	23.324.714.558

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	218.988.983.300	144.774.128.938
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(189.038.956.500)	(133.365.420.869)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(11.497.257.000)	(11.497.238.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		18.452.769.800	(88.530.881)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		4.988.980.346	28.738.133.668
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.565.658.236	24.866.046.692
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(164.880.650)	(38.522.124)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	58.389.757.932	53.565.658.236

Lâm Thị Như Thơ
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Lê
Kế toán trưởng



Phan Hữu Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5503000010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 99/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006 và Công văn số 4236/UBCK-PTTT ngày 2 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 547 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 631).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 13.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 43 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm kế toán	8 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành lại hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	538.451.894	209.460.000
Tiền gửi ngân hàng	47.851.306.038	50.356.198.236
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	58.389.757.932	53.565.658.236

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển ("VAF")	1.123.000	1.489.200	188.820.000	192.596.400
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An ("LAF")	60.000	65.400	60.000	65.400
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("DTL")	41.855	41.855	41.855	41.855
	<u>1.224.855</u>	<u>1.596.455</u>	<u>188.921.855</u>	<u>192.703.655</u>
Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Pythis	28.230.000	28.230.000	28.230.000	28.230.000
TỔNG CỘNG	29.454.855	29.826.455	217.151.855	220.933.655

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	39.550.280.525	32.015.593.729
<i>Kyokuyo Co., Ltd</i>	9.128.904.880	6.822.419.247
<i>Congelados Y Frescos Del Mar S.A</i>	8.055.639.800	12.396.117.514
<i>Jeronimo Martins Colombia S.A.S.</i>	6.535.874.800	1.209.862.500
<i>Khác</i>	15.829.861.045	11.587.194.468
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	58.758.721	-
TỔNG CỘNG	39.609.039.246	32.015.593.729

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Việt	1.978.515.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Điện – Thương mại Minh Nhật	1.848.000.000	-
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp và Xây dựng Việt Úc	1.712.500.000	-
Công ty TNHH Tự động hóa MENT	1.026.350.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhân Tâm	373.450.000	3.150.950.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thành Tâm	450.000.000	450.000.000
Khác	880.809.701	529.081.003
TỔNG CỘNG	8.269.624.701	4.130.031.003

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quý phúc lợi	629.586.794	552.709.124
Bảo hiểm xã hội	283.253.594	303.803.613
Tạm ứng cho nhân viên	253.091.993	274.531.310
Khác	18.232.995	174.515.554
TỔNG CỘNG	1.184.165.376	1.305.559.601
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	1.184.165.376	1.294.021.873
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	11.537.728

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	95.387.767.356	(8.445.750.002)	70.961.878.439	(5.812.331.318)
Thành phẩm	84.155.653.920	(3.008.336.723)	96.401.765.728	(12.996.682.535)
Nguyên vật liệu	8.491.420.622	-	6.405.539.194	-
TỔNG CỘNG	188.034.841.898	(11.454.086.725)	173.769.183.361	(18.809.013.853)

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(18.809.013.853)	(15.574.574.850)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(11.454.086.725)	(18.809.013.853)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	18.809.013.853	15.574.574.850
Số cuối năm	(11.454.086.725)	(18.809.013.853)

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	40.104.043.206	74.048.102.155	13.931.490.643	2.051.112.111	130.134.748.115
Mua trong năm	-	7.562.548.631	505.000.000	-	8.067.548.631
Thanh lý	(1.021.727.273)	(2.059.554.400)	-	-	(3.081.281.673)
Giảm khác	(905.269.546)	-	-	-	(905.269.546)
Số cuối năm	38.177.046.387	79.551.096.386	14.436.490.643	2.051.112.111	134.215.745.527
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	6.243.489.389	34.651.468.226	1.341.156.609	862.428.566	43.098.542.790
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	18.303.656.743	52.034.901.167	5.931.886.873	1.257.311.426	77.527.756.209
Khấu hao trong năm	1.279.247.842	4.842.616.317	1.332.732.901	118.144.272	7.572.741.332
Thanh lý	(440.116.482)	(2.059.554.400)	-	-	(2.499.670.882)
Giảm khác	(54.479.389)	-	-	-	(54.479.389)
Số cuối năm	19.088.308.714	54.817.963.084	7.264.619.774	1.375.455.698	82.546.347.270
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.800.386.463	22.013.200.988	7.999.603.770	793.800.685	52.606.991.906
Số cuối năm	19.088.737.673	24.733.133.302	7.171.870.869	675.656.413	51.669.398.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm và số cuối năm	15.976.296.500	439.602.300	134.851.488	16.550.750.288
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	439.602.300	134.851.488	574.453.788
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	4.582.218.766	439.602.300	134.851.488	5.156.672.554
Hao mòn trong năm	423.632.280	-	-	423.632.280
Số cuối năm	5.005.851.046	439.602.300	134.851.488	5.580.304.834
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	11.394.077.734	-	-	11.394.077.734
Số cuối năm	10.970.445.454	-	-	10.970.445.454

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phân xưởng sản xuất	22.047.348.850	7.146.681.265
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	537.586.683	1.004.192.437
TỔNG CỘNG	22.584.935.533	8.150.873.702

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 13.1</i>)	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	187.202.383.000	187.202.383.000
TỔNG CỘNG	197.202.383.000	197.202.383.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100	<u>10.000.000.000</u>	100	<u>10.000.000.000</u>

Giá trị hợp lý khoản đầu tư nói trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Sao Ta") (*)	Nuôi trồng, chế biến thủy sản	12,37	<u>187.202.383.000</u>	16,5	<u>187.202.383.000</u>

(*) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021 và ngày 28 tháng 12 năm 2021, Sao Ta hoàn tất việc phát hành lần lượt 9.806.000 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu và 6.538.889 cổ phiếu riêng lẻ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này giảm còn 12,37%.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thị trường của khoản đầu tư này là 420.628.000.000 VND.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vùng nuôi và các chi phí liên quan	16.909.794.151	17.392.240.579
Chi phí đào ao	2.346.557.450	1.016.868.137
Khác	<u>4.637.192.831</u>	<u>4.126.716.433</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.893.544.432</u>	<u>22.535.825.149</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên khác	20.219.303.923	15.890.577.956
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	8.775.105.000	5.627.842.000
Ông Nguyễn Văn Trọng	2.730.355.000	-
Công ty TNHH TM DV TV XD Long Nhiên	340.208.000	1.840.076.800
Công ty TNHH Greenfeed (Việt Nam)	-	2.862.235.750
Khác	8.373.635.923	5.560.423.406
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.282.832.600	-
TỔNG CỘNG	21.502.136.523	15.890.577.956

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.049.169.117	6.859.515.286	(6.773.016.891)	1.135.667.512
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.354.439	1.704.416.653	(1.356.354.439)	704.416.653
Thuế thu nhập cá nhân	-	566.636.134	(512.174.576)	54.461.558
Thuế khác	14.364	1.273.682.259	(1.273.682.519)	14.104
TỔNG CỘNG	356.368.803	3.544.735.046	(3.142.211.534)	758.892.315

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	494.474.370	853.014.135
Khác	958.158.190	260.791.763
TỔNG CỘNG	1.452.632.560	1.113.805.898

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Thay đổi trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ		Vay	Trả nợ vay	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	94.271.506.725		218.988.983.300	(189.038.956.500)	267.651.290	124.489.184.815

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động với chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngoại tệ USD	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 6,9 và 11)
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	99.427.328.000	4.345.600	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2022 đến ngày 22 tháng 6 năm 2022	1,8 - 2,2	Quyền sử dụng đất, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	23.149.228.960	1.011.767	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2022 đến ngày 8 tháng 6 năm 2022	2,2	Tín chấp
Ngân hàng Chính sách Xã hội Tỉnh Bến Tre – PGD Huyện Châu Thành	1.912.627.855	-	Ngày 3 tháng 11 năm 2022	0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	124.489.184.815	5.357.367			

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	141.072.070.000	287.769.908.319	(98.896.574.474)	61.210.173.515	21.990.300.542	413.145.877.902
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	13.850.533.114	13.850.533.114
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(11.497.257.000)	(11.497.257.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.491.788.000)	(2.491.788.000)
Khác	-	-	-	-	(2.757.267.000)	(2.757.267.000)
Số cuối năm	<u>141.072.070.000</u>	<u>287.769.908.319</u>	<u>(98.896.574.474)</u>	<u>61.210.173.515</u>	<u>19.094.521.656</u>	<u>410.250.099.016</u>
Năm nay						
Số đầu năm	141.072.070.000	287.769.908.319	(98.896.574.474)	61.210.173.515	19.094.521.656	410.250.099.016
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	33.577.570.534	33.577.570.534
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(22.994.514.000)	(22.994.514.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(560.000.000)	(560.000.000)
Khác	-	-	-	-	(2.326.400.000)	(2.326.400.000)
Số cuối năm	<u>141.072.070.000</u>	<u>287.769.908.319</u>	<u>(98.896.574.474)</u>	<u>61.210.173.515</u>	<u>26.791.178.190</u>	<u>417.946.755.550</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ.ĐHCĐ.ABT ngày 24 tháng 4 năm 2021, Công ty công bố cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% và giá trị là 11.497.257.000 VND. Sau đó, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ.ABT ngày 28 tháng 12 năm 2021, Công ty công bố tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% và giá trị là 11.497.257.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và cuối năm	<u>141.072.070.000</u>	<u>141.072.070.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố trong năm	22.994.514.000	11.497.257.000
Trong đó:		
Cổ tức đã trả bằng tiền	11.497.257.000	11.497.238.950
Cổ tức chưa trả	11.497.257.000	18.050

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	14.107.207	141.072.070.000	14.107.207	141.072.070.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.107.207	141.072.070.000	14.107.207	141.072.070.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(2.609.950)	(98.896.574.474)	(2.609.950)	(98.896.574.474)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	11.497.257	114.972.570.000	11.497.257	114.972.570.000

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	344.283.331.046	331.313.624.769
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	341.028.874.698	328.281.360.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.860.000.000	1.860.000.000
Doanh thu khác	1.394.456.348	1.172.263.915
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.814.330.148)	(13.203.558.596)
Hàng bán bị trả lại	(1.814.330.148)	(13.203.558.596)
DOANH THU THUẦN	<u>342.469.000.898</u>	<u>318.110.066.173</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	16.207.535.500	8.089.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.219.135.604	1.970.721.272
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.119.000	518.464.826
Khác	80.300.400	10.721.792
TỔNG CỘNG	<u>19.515.090.504</u>	<u>10.588.907.890</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	283.104.623.370	275.776.010.914
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.354.927.128)	3.234.439.003
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.377.811.775	1.537.307.000
Khác	564.589.692	436.410.497
TỔNG CỘNG	<u>277.692.097.709</u>	<u>280.984.167.414</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	33.913.210.227	17.811.678.237
Chi phí vận chuyển và giao hàng	24.918.445.914	9.507.660.830
Chi phí nhân viên	4.411.495.804	4.141.608.282
Khác	4.583.268.509	4.162.409.125
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.037.229.895	11.039.158.679
Chi phí nhân viên	6.680.311.559	6.492.789.159
Khác	4.356.918.336	4.546.369.520
TỔNG CỘNG	<u>44.950.440.122</u>	<u>28.850.836.916</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	2.063.842.024	2.918.020.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.049.318.754	1.229.095.904
TỔNG CỘNG	<u>4.113.160.778</u>	<u>4.147.116.425</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	440.116.482	872.727.273
Khác	468.257.483	471.445.040
TỔNG CỘNG	908.373.965	1.344.172.313

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	293.935.569.396	382.143.657.720
Chi phí nhân công	68.225.353.964	82.980.113.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.708.564.012	21.904.582.305
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	7.996.373.612	7.198.273.039
Chi phí khác	16.339.040.940	17.908.462.151
TỔNG CỘNG	424.204.901.924	512.135.089.198

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 2200/CT-THNVDT do Cục thuế tỉnh Bến Tre ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2015, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ nuôi trồng thủy sản ở địa bàn kinh tế, xã hội khó khăn. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động nuôi trồng thủy sản của Công ty từ năm 2015 là 10%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.704.416.653	1.203.354.439
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	852.540.598	760.527.041
TỔNG CỘNG	2.556.957.251	1.963.881.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.134.527.785	15.814.414.594
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	5.644.832.134	2.347.952.239
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	153.632.217	1.233.729.241
Cổ tức	(3.241.507.100)	(1.617.800.000)
Chi phí thuế TNDN	2.556.957.251	1.963.881.480

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.145.408.673	1.880.901.385	(735.492.712)	323.443.900
Chi phí phải trả lương, thưởng	1.025.477.342	1.122.318.500	(96.841.158)	(4.681.500)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	417.033.100	455.113.150	(38.080.050)	(58.980.600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.567.552	6.694.230	17.873.322	13.797.076
Chi phí bồi thường	-	-	-	(1.034.105.917)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	2.612.486.667	3.465.027.265		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(852.540.598)	(760.527.041)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Khoản đầu tư khác	Cổ tức	16.178.000.000	8.089.000.000
		Mua nguyên vật liệu	3.242.039.250	6.118.125.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	180.000.000	-
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Công ty con	Bán thành phẩm	821.566.480	-
		Mua hàng hóa	1.026.946.000	-
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	Đồng sở hữu bởi công ty mẹ	Mua hàng hóa	82.380.960	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Đồng sở hữu bởi công ty mẹ	Mua hàng hóa	98.205.600	-
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Đồng sở hữu bởi công ty mẹ	Bán thành phẩm	62.221.000	106.098.000
		Mua hàng hóa	15.172.500	2.785.909
Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang	Đồng sở hữu bởi công ty mẹ	Mua hàng hóa	36.878.911	28.525.453

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch	81.000.000	105.000.000
Ông Đặng Kiệt Tường	Nguyên Chủ tịch	-	55.555.555
Ông Phan Hữu Tài	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1.069.014.168	1.052.713.751
Ông Hồ Quốc Lực	Thành viên	86.400.000	56.000.000
Ông Bùi Kim Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	659.060.418	620.072.501
Ông Nguyễn Trung Anh	Nguyên Thành viên	-	27.777.777
Ông Trần Đức Tuyển	Nguyên Thành viên	-	13.888.888
TỔNG CỘNG		1.895.474.586	1.931.008.472

(*) bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Công ty con	Bán thành phẩm	<u>58.758.721</u>	<u>-</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Công ty liên kết của công ty mẹ	Ký quỹ	<u>-</u>	<u>11.537.728</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Công ty con	Mua hàng hóa	1.026.946.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	189.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Đồng sở hữu bởi công ty mẹ	Mua hàng hóa	47.658.600	-
Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang	Đồng sở hữu bởi công ty mẹ	Mua hàng hóa	19.228.000	-
TỔNG CỘNG			<u>1.282.832.600</u>	<u>-</u>

28. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.901.687	2.040.605
- Euro (EUR)	132.979	10.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Lâm Thị Như Thơ
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Lê
Kế toán trưởng



Phan Hữu Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn